TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐIỆN BIÊN** **TỈNH ĐIỆN BIÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 14/2019/HNGĐ- ST.
Ngày: 15/5/2019.
V/v Tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐIỆN BIÊN – TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lường Văn Lương

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lò Văn Thương;

2. Bà Nguyễn Thị Tâm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thúy Dần - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên .

Ngày 15/5/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 101/2019/TLST - HNGĐ, ngày 14/3/2019, về tranh chấp ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2019/QĐXX - ST ngày 04/5/2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Điêu Thị D - Sinh năm: 1987. " Có mặt"

Trú tại: Bản A, xã P, huyện Đ, tỉnh Điện Biên.

2. Bị đơn: Anh Quàng Văn K - Sinh năm: 1989. "Có mặt"

Trú tại: Bản A, xã P, huyện Đ0, tỉnh Điện Biên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn đề ngày 14/3/2019 và trong quá trình tố tụng tại Tòa án nhân dân huyện Điện Biên(nguyên đơn) chị Điêu Thị D trình bày:

Về hôn nhân: Tôi và anh K lấy nhau và có đăng ký kết hôn năm 2012 tại UBND xã L, thị xã M, tỉnh Điện Biên. Kết hôn hoàn toàn tự nguyện, chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình hai người không hợp nhau, không thể chung sống với nhau được nữa. Hiện nay tình cảm vợ chồng không còn tôi đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh K.

Về con chung: Chị D khai vợ chồng có 02 con chung là: Cháu Quàng Thị Mai U, sinh ngày 09/3/2013 và cháu Quàng Hà L, sinh ngày 19/5/2015. Chị D có nguyện vọng xin được nuôi cả hai cháu, không yêu cầu anh K phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản:

Tài sản riêng, nợ phải trả, nợ lấy về không có không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tài sản chung, đất ruộng: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 17/4/2019 và trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án (bị đơn) anh Quàng Văn K trình bày:

Về hôn nhân: Tôi và cô D lấy nhau đều tự nguyện, không ai bị ép buộc có đăng ký kết hôn từ năm 2012 tại UBND xã L, thị xã M, tỉnh Điện Biên. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2017 thì xảy ra mâu thuẫn, nhưng không mâu thuẫn về tình cảm mà do mau thuẫn áp lực về kinh tế gia đình. Nguyên nhân là do tôi chơi vời dẫn đến nợ nần nhiều đã gây bức xúc trong cuộc sống gia đình, nên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nay cô D thấy không thể sống chung với tôi được nữa nên đã xin ly hôn, tôi không đồng ý ly hôn, muốn gia đình quay về đoàn tụ.

Về con chung: Anh K công nhận vợ chồng có 02 con chung: Cháu Quàng Thị Mai U, sinh ngày 09/3/2013 và cháu Quàng Hà L, sinh ngày 19/5/2015. Anh K có nguyện vọng nếu hai vợ chồng không quay lại đoàn tụ thì anh sẽ nuôi một cháu và chị D nuôi một cháu, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung, đều phải cùng nhau chăm sóc bình thường.

Về tài sản:

Tài sản riêng, nợ phải trả, nợ lấy về không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tài sản chung, diện tích ruộng nương: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật: Căn cứ đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ kèm theo của nguyên đơn chị Điêu Thị D, Tòa án xác định đây là vụ án: Tranh chấp ly hôn.

[2].Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị D xin ly hôn với anh K, anh K có hộ khẩu thường trú tại xã P, huyện Đ, tỉnh Điện Biên, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Điện Biên theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39/BLTTDS năm 2015.

[3]. Về điều luật áp dụng: Chị D và anh K lấy nhau năm 2012, đến năm 2019 thì chị D khởi kiện xin ly hôn, nên Tòa án sẽ áp dụng các quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết.

[4]. Về quan hệ hôn nhân: Chị D và anh K lấy nhau có đăng ký kết hôn. Do vậy, hôn giữa hai người là hợp pháp. Quá trình chung sống do tính tình không hợp nhau, do anh K đua đòi bạn bè chơi vời dẫn đến nợ nần nhiều, gây bức xúc trong gia

đình. Tình cảm vợ chồng giữa chị D với anh K đã xảy ra mâu thuẫn từ năm 2017 đến nay. Chị D thấy hiện nay tình cảm vợ chồng giữa hai người không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị D xin ly hôn là phù hợp với các Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với ý kiến của anh K không đồng ý ly hôn, nhưng cũng thừa nhận là mình cũng có lỗi trong việc để hai vợ chồng xẩy ra mâu thuẫn, nợ nần kéo dài dẫn đến tình cảm hai vợ chồng bị rạn nứt và không thể hàn gắn được. Nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 không chấp nhận yêu cầu của anh Khởi.

[5]. Về con chung: Hai vợ chồng có 02 con chung, anh K đề nghị được nuôi cả 02 con chung, chị D cũng có nguyện vọng được nuôi cả 02 con chung. Tuy nhiên, việc giao con cho ai nuôi cần phải xem xét mọi mặt của con chưa thành niên. Cả hai cháu đều vẫn chưa đủ 07 tuổi để tự quyết định ở với bố hay ở với mẹ được.

Qua quá trình giải quyết thì anh K và chị D ai cũng có công việc ổn định, ai cũng đủ điều kiện để trực tiếp nuôi con chung. Nhưng quá trình hòa giải thì chị D có nguyện vọng muốn được trực tiếp chăm sóc cháu bé là Quàng Hà L, sinh ngày 19/5/2015 vì cháu còn quá nhỏ và đồng ý cho anh Khởi được trực tiếp nuôi cháu lớn là Quàng Thị Mai U, sinh ngày 09/3/2013.

Để đảm bảo quyền lợi và đảm bảo sự phát triển mọi mặt của trẻ em. Căn cứ vào khoản 2 Điều 81 Luật HN&GĐ nên HĐXX chấp nhận yêu cầu của chị D, giao cháu Quàng Hà L cho chị D trực tiếp chăm sóc, giáo dục; giao cháu Quàng Thị Mai U cho anh K trực tiếp chăm sóc, giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị D và anh K thỏa thuận không ai phải dưỡng nuôi con chung Hội đồng xét xử xét thấy việc tự thỏa thuận giữa hai người là phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận.

[6].Về tài sản:

[6.1]. Tài sản riêng, nợ phải trả, nợ lấy về: Chị D và anh K không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6.2]. Tài sản chung, diện tích ruộng, nương: Chị D và anh K đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[7]. Về án phí: Căn cứ Điều 147/BLTTDS; Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Chị Dăm được miễn toàn bộ án phí Dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 235; Điều 264 và Điều 267/BLTTDS (Năm 2015);

- Các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

1- Tuyên xử: Chị Điêu Thị D được ly hôn với anh Quàng Văn K.

2- Về con chung: Giao con chung là Quàng Thị Mai U, sinh ngày 09/3/2013 cho anh K trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục. Giao con chung là Quàng Hà L, sinh ngày 19/5/2015 cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục. Anh K và chị D không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên đương sự, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung.

3- Về Tài sản:

3.1. Tài sản riêng, nợ phải trả, nợ lấy về: Không có.

3.2. Tài sản chung, diện tích ruộng nương: Không xem xét giải quyết

4- Về án phí: Căn cứ Điều 147/BLTTDS; Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Chị Dăm được miễn toàn bộ án phí Dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Đ.B;
- Chi cục THADS huyện Đ.B;
- UBND xã Phu Luông;
- TAND tỉnh Điện Biên;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lường Văn Lương